

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diệu T, sinh ngày 01/01/1977 (có mặt).

CCCD số: 094177010116, cấp ngày 02/5/2022.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Hà Văn Y, sinh ngày 01/01/1970 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

CCCD số: 094070017715.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Diệu T trình bày:

Bà và ông Hà Văn Y, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/05/2017 tại Ủy ban Nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay bà nhận thấy là vợ chồng không

hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với Hà Văn Y. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Hà Thị Phương T1, sinh ngày 25/8/2020, hiện đang sống chung với bà T. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu, đồng ý giao con cho ông Y nuôi và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/7/2026 bị đơn ông Hà Văn Y trình bày:*

Ông biết việc bà T yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T không có mâu thuẫn nhưng do bà T không còn tình cảm với ông nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, ông và bà T có một con chung tên Hà Thị Phương T1, sinh ngày 25/8/2020, hiện đang sống chung với ông, ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Y; Về con chung, giao ông Y được quyền nuôi dưỡng con chung tên Hà Thị Phương T1, sinh ngày 25/8/2020 đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Diệu T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hà Văn Y cư trú tại khu vực T, phường N, thành phố C, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chỉ có mặt nguyên đơn bà T. Bị đơn ông Y vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Diệu T và ông Hà Văn Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/05/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ), đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung giữa bà T và ông Y hiện nay đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bản thân ông Y cũng thừa nhận vợ không còn tình cảm với ông, nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Thị Phương T1, sinh ngày 25/8/2020. Tại phiên tòa, bà T thay đổi ý kiến, đồng ý giao con chung cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng; đồng thời ông Y cũng có nguyện vọng và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của đương sự và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này, giao cháu Hà Thị Phương T1 cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009925 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Lê Thị Diệu T được ly hôn với ông Hà Văn Y.

2. Về quyền nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Diệu T và ông Hà Văn Y, giao ông Hà Văn Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Thị Phương T1, sinh ngày 25/8/2020 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị Diệu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Diệu T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009925 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND phường N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp